

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự án Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh
(nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh) - Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ,
xã Hà Sơn, huyện Hà Trung**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Xây dựng năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án và Nghị quyết số 142/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh) - Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung của HĐND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5629/TTr-SGTVT ngày 11/10/2021 về việc phê duyệt dự án Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh) - Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung; kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 5607/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/11/2021; của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung tại Tờ trình số 570/TTr-BQLDA ngày 28/10/2021 và hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh) - Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà

Trung với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh) - Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung.

2. Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung.

3. Nhà thầu khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Thanh Hoa.

4. Mục tiêu đầu tư xây dựng: Từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng giao thông theo quy hoạch chung huyện Hà Trung, kết nối giao thông phát triển kinh tế vùng Ngã Ba Sông, tạo thuận lợi cho việc đi lại của Nhân dân và giao thương giữa các xã Hà Lĩnh, Hà Sơn với huyện Vĩnh Lộc; kết nối nút giao cao tốc Bắc - Nam đi Cụm di tích đền Hàn, đền Cô Bơ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và của huyện Hà Trung nói riêng.

5. Quy mô đầu tư xây dựng

Đầu tư xây dựng mới 3,86km đường giao thông theo tiêu chuẩn đường đô thị TCXD 104:2007, vận tốc thiết kế $V_{tk}=50\text{km/h}$; công trình thoát nước vĩnh cửu; kết cấu bằng BTCT và BTCT DƯL; tần suất thiết kế $P=4\%$ với nền đường, cống, cầu nhỏ và $P=1\%$ với cầu trung; tải trọng trục tính toán 10T với đường và tải trọng H30-XB80 với cống, HL93 với cầu.

6. Giải pháp thiết kế chủ yếu

6.1. Bình đồ, hướng tuyến: Đoạn Km0 - Km0+300 qua khu vực dân cư làng Thanh Xá, xã Hà Lĩnh; sau đó tuyến đi mới và kết nối với mặt bằng khu dân cư Đông Hang, xã Hà Sơn đến đê sông Lèn. Tổng số có 05 đường cong, bán kính nhỏ nhất $R_{\min}=1500\text{m}$.

6.2. Cắt dọc: Cao độ thiết kế trên cơ sở tần suất thủy văn tính toán và cao độ các quy hoạch liên quan. Độ dốc dọc lớn nhất $i_{\max}=4\%$.

6.3. Cắt ngang:

- Đoạn Km0 - Km0+344,68: Chiều rộng nền đường $B_n=34,0\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=2 \times 10,5=21,0\text{m}$; dải phân cách giữa $B_{pc}=3,0\text{m}$; vỉa hè $B_{vh}=2 \times 5\text{m}=10,0\text{m}$.

- Đoạn Km0+344,68 - Km3+861,05: Chiều rộng nền đường $B_n=11,5\text{m}$; chiều rộng mặt đường $B_m=10,5\text{m}$; lề đất $B_l=2 \times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$.

Độ dốc ngang mặt đường hai mái $i_m=2\%$; dốc ngang lề đất $i_l=4\%$; dốc ngang vỉa hè $i_h=1,5\%$ nghiêng về phía mặt đường.

6.4. Nền đường:

- Nền đào: Đào đất mái taluy 1/1; đào đá 1/0,5 - 1/0,75, tùy thuộc cấp đá.

- Nền đắp: Đắp bằng đất đòi đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,95$, lớp sát đáy áo đường dày 50cm đầm lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$; mái taluy đắp 1/1,5, gia cố bằng trồng cỏ; những vị trí đắp qua ao, hồ, nước đọng thường xuyên gia cố một phần mái taluy bằng BTXM.

- Xử lý nền đất yếu: Bằng giải pháp đào thay đất một phần và giếng cát.

6.5. Kết cấu áo đường: Mặt đường bằng bê tông nhựa (BTN) có môđun đàn hồi yêu cầu $E_{vc} \geq 130 \text{Mpa}$, gồm các lớp:

- Lớp mặt: Bằng BTN chặt 19 dày 7cm, tưới thấm bám tiêu chuẩn nhựa $1,0 \text{kg/m}^2$.

- Lớp móng: Bằng cấp phối đá dăm dày 45cm, gồm lớp móng trên cấp phối đá dăm loại I dày 15cm và lớp móng dưới cấp phối đá dăm loại II dày 30cm.

6.6. Thoát nước mặt đường: Bằng chảy tỏa và đào rãnh dọc đối với đoạn ngoài khu dân cư. Đoạn qua khu dân cư từ Km0+00 - Km0+344,68 bố trí rãnh dọc kín dưới vỉa hè, thu nước qua đan rãnh, cửa thu và thoát về cống ngang; cấu tạo rãnh bằng BTXM và BTCT, vị trí qua đường ngang bố trí rãnh chịu lực.

6.7. Cống thoát nước ngang: Xây dựng mới hoàn chỉnh cống thoát nước ngang các loại bằng cống hộp, cống tròn; cấu tạo bằng bê tông, bê tông cốt thép; chiều dài cống bằng chiều rộng nền đường, móng đặt trên nền thiên nhiên hoặc nền đất đã được xử lý.

6.8. Công trình cầu: Xây dựng cầu Hón Bông 1 tại Km1+514,78 và cầu Hón Bông 2 tại Km2+129,2902 bắc qua Hón Bông; cầu nằm trên bãi sông, sông không thông thuyền, không có cây trôi. Kết cấu cầu bằng BTCT, BTCT DUL thiết kế theo TCVN11823:2017; chiều rộng toàn cầu $B_c = 13 \text{m}$, phần xe chạy $B_m = 12 \text{m}$. Hai cầu có cấu tạo giống nhau, sơ đồ nhịp $2 \times 21 \text{m}$, cụ thể:

- Kết cấu phần trên: Dầm giản đơn bản rộng BTCT DUL, bản mặt cầu BTCT, lớp phủ mặt cầu bằng BTN C19, gối cầu bằng cao su cốt bản thép, khe co giãn bằng thép dạng ray, thoát nước mặt cầu bằng ống gang kết hợp ống nhựa, gờ lan can bằng BTCT, lan can tay vịn bằng thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng chữ U, kiểu tường bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi; bản chuyển tiếp bằng BTCT. Trụ cầu dạng đặc thân hẹp bằng BTCT đặt trên hệ cọc khoan nhồi.

- Đường đầu cầu: Sau đuôi mố 10m đường đầu cầu được vuốt nối từ $B_n = 14 \text{m}$, $B_m = 12 \text{m}$ về $B_n = 11,5 \text{m}$, $B_m = 10,5 \text{m}$; gia cố tứ nón và mái taluy bằng tấm BTCT đúc sẵn, chân khay bằng BTXM trên nền đất gia cố bằng cọc tre.

6.9. Nút giao: Thiết kế giao bằng; tổ chức giao thông trong nút giao bằng biển báo, vạch sơn. Kết cấu mặt đường trong nút giao như phần tuyến.

- Ngã ba đầu tuyến giao với QL.217 tại Km7+800: Bán kính các nhánh rẽ $R = 15 \text{m}$; trên các nhánh mở rộng thêm 01 làn xe chiều rộng 3,5m, chiều dài 120m, đoạn chuyển tiếp dài 35m.

- Ngã tư tại Km0+344,68 giao với đường hiện trạng: Bán kính nhánh rẽ $R = 10 \text{m}$, mở rộng $B_n = 8,5 \text{m}$, $B_m = 7,5 \text{m}$ trên chiều dài 15m và vuốt về đường hiện trạng.

6.10. Đường ngang: Vuốt nối với bán kính $R \geq 5 \text{m}$, độ dốc dọc $i \leq 6\%$; kết cấu mặt đường bằng BTN hoặc BTXM tùy theo vị trí và kết cấu mặt đường

hiện trạng.

6.11. An toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo QCVN 41:2019/BGTVT, bao gồm: hộ lan tôn sóng, biển báo, vạch sơn phản quang...

6.12. Dải phân cách, vỉa hè đoạn Km0+00 - Km0+344.68:

- Dải phân cách giữa: Chiều rộng $B_{pc}=3,0m$; bó vỉa bằng BTXM.

- Bó vỉa, đan rãnh: Dọc hai bên vỉa hè, sát mép mặt đường bố trí đan rãnh và bó vỉa cấu tạo bằng BTXM.

- Vỉa hè: Lát bằng gạch Tezzar kích thước 40x40x3,3cm, trên lớp đệm bằng BTXM; khóa vỉa hè bằng xây gạch, trát mặt ngoài.

6.13. Sửa chữa, hoàn trả đường công vụ phục vụ thi công: Thực hiện hoàn trả đối với các đường huyện, xã, nội thôn phục vụ cho dự án; các đường phục vụ chung cho các dự án chỉ sửa chữa hư hỏng cục bộ. Giải pháp thiết kế, thi công cụ thể được Chủ đầu tư thực hiện trước khi dự án bàn giao đưa vào khai thác.

(chi tiết như hồ sơ TKCS kèm theo).

7. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng

- Địa điểm xây dựng: Các xã Hà Lĩnh, Hà Sơn, huyện Hà Trung.

- Diện tích đất sử dụng: Khoảng 8,8 ha.

8. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Nhóm B, công trình giao thông đường bộ, cấp II.

9. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

- Thiết kế 02 bước: Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

- Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo Báo cáo thẩm định số 5607/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/11/2021 của Sở Giao thông vận tải.

10. Tổng mức đầu tư: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*); trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	32.870.079.000 đồng;
- Chi phí xây dựng:	93.601.613.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	2.214.792.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.217.383.000 đồng;
- Chi phí khác:	3.283.139.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	12.812.994.000 đồng.

(chi tiết có phụ lục kèm theo).

11. Nguồn vốn và cơ cấu vốn đầu tư: Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 104 tỷ đồng; vốn ngân sách huyện Hà Trung và các nguồn huy động hợp pháp khác 46 tỷ đồng.

12. Thời gian thực hiện: Năm 2021 - 2024.

13. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư

- Phạm vi GPMB theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- UBND huyện Hà Trung làm Chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng và tái định cư để tổ chức thực hiện theo quy định.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các kiến nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo thẩm định số 5607/SGTVT-TĐKHKT ngày 10/11/2021.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Hà Trung; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Hà Trung và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (H'60.846, 61.035).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
Dự án: Đường giao thông kết nối khu đô thị Hà Lĩnh (nút giao cao tốc tại Hà Lĩnh)
- Cụm di tích đền Hàn, Cô Bơ, xã Hà Sơn, huyện Hà Trung
(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch
UBND tỉnh)

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	32.870.079.000
II	Chi phí xây dựng	93.601.613.000
III	Chi phí Quản lý dự án	2.214.792.000
IV	Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng	5.217.383.000
1	Chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	900.000.000
2	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC	490.000.000
3	Chi phí cắm cọc GPMB	150.000.000
4	Chi phí lập thiết kế BVTC và dự toán	1.156.708.000
5	Chi phí lập đề cương nhiệm vụ khảo sát:	31.084.000
5.1	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>16.384.000</i>
5.2	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>14.700.000</i>
6	Chi phí giám sát khảo sát:	42.191.000
6.1	<i>Bước lập báo cáo NCKT</i>	<i>22.238.000</i>
6.2	<i>Bước thiết kế BVTC</i>	<i>19.953.000</i>
7	Chi phí thẩm tra:	270.170.000
7.1	<i>Thẩm tra thiết kế BVTC</i>	<i>86.719.000</i>
7.2	<i>Thẩm tra dự toán</i>	<i>83.451.000</i>
7.3	<i>Thẩm tra an toàn giao thông</i>	<i>100.000.000</i>
8	Chi phí giám sát thi công:	1.793.107.000
8.1	<i>Giám sát thi công xây dựng</i>	<i>1.783.498.000</i>
8.3	<i>Giám sát thi công RPBM, vật nổ</i>	<i>9.609.000</i>
9	Chi phí lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu:	129.270.000
9.1	<i>Gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo NCKT</i>	<i>5.337.000</i>
9.2	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>22.657.000</i>
9.3	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	<i>101.276.000</i>
10	Phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT:	98.853.000
10.1	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	<i>4.980.000</i>
10.2	<i>Gói thầu xây dựng (bao gồm cả bảo hiểm)</i>	<i>93.873.000</i>
11	Khảo sát, lập phương án RPBM, vật nổ	6.000.000

TT	Hạng mục chi phí	Giá trị (đồng)
12	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	150.000.000
V	Chi phí khác	3.283.139.000
1	Chi phí kiểm toán	499.581.000
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	297.192.000
3	Bảo hiểm xây dựng công trình	271.445.000
4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi	8.438.000
5	Thẩm định thiết kế BVTC	7.667.000
6	Thẩm định dự toán xây dựng	7.425.000
7	Thi công rà phá bom mìn, vật nổ	300.000.000
8	Thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường	1.341.391.000
9	Các chi phí khác:	550.000.000
9.1	<i>Chi phí đường dây. TBA phục vụ thi công</i>	<i>100.000.000</i>
9.2	<i>Chi phí hoàn trả hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>450.000.000</i>
VI	Dự phòng	12.812.994.000
1	Dự phòng khối lượng	8.971.758.000
2	Dự phòng trượt giá	3.841.236.000
	Tổng cộng (làm tròn)	150.000.000.000